

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kinh tế vĩ mô - M1104002

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: M110400201

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc Ánh	19/12/1999		6.00	Sáu	C19KT	
2	1710100055	Huỳnh Thị Thúy Duy	12/11/1999		7.00	Bảy	C19QT2	
3	1710100064	Huỳnh Thị Yến Duy	12/11/1999		7.00	Bảy	C19QT2	
4	1710100048	Ngô Hải Dương	28/10/1999		7.00	Bảy	C19QT2	
5	1710100042	Nguyễn Khắc Dương	27/12/1999		7.00	Bảy	C19QT2	
6	1710110008	Bùi Thu Hà	20/06/1999		6.00	Sáu	C19KT	
7	1710100054	Hồ Thúy Hằng	21/09/1999		7.00	Bảy	C19QT2	
8	1710100051	Nguyễn Thị Hằng	25/02/1998		6.00	Sáu	C19QT2	
9	1710110012	Trần Thị Thu Hiền	18/04/1999		8.00	Tám	C19KT	
10	1710100002	Phạm Minh Hiếu	21/08/1992		7.00	Bảy	C19QT2	
11	1710100052	Trần Thị Lan Hương	15/01/1999		6.00	Sáu	C19QT2	
12	1710110003	Phạm Thị Huyền	07/01/1999		6.00	Sáu	C19KT	
13	1710110015	Nguyễn Thị Diễm Hương	22/07/1999		8.00	Tám	C19KT	
14	1710100041	Nguyễn Minh Kha	06/09/1999		7.00	Bảy	C19QT2	
15	1710100067	Nguyễn Văn Khiêm	19/05/1999		7.00	Bảy	C19QT2	
16	1710100047	Nguyễn Minh Khoa	29/03/1999		6.00	Sáu	C19QT2	
17	1710110001	Bùi Đặng Phương Linh	09/12/1997		8.00	Tám	C19KT	
18	1710110002	Hồ Yến Linh	11/05/1999		6.00	Sáu	C19KT	
19	1710100069	Võ Thị Thùy Linh	07/10/1999		6.00	Sáu	C19QT2	
20	1710100065	Trần Thị Phượng Mai	20/04/1996		6.00	Sáu	C19QT2	
21	1710100046	Nguyễn Ngọc Minh	24/10/1999		7.00	Bảy	C19QT2	
22	1710100061	Nguyễn Thị Kiều My	07/11/1996		7.00	Bảy	C19QT2	
23	1710100062	Nguyễn Trọng Nghĩa	16/03/1999		6.00	Sáu	C19QT2	
24	1710100066	Trần Hải Ngọc	04/07/1999		6.00	Sáu	C19QT2	
25	1710100057	Võ Thị Hồng Nhi	01/01/1998		6.00	Sáu	C19QT2	
26	1710100070	Trần Thị Như	16/07/1999		8.00	Tám	C19QT2	
27	1710110004	Hồ Ngọc Phượng	25/11/1999		6.00	Sáu	C19KT	
28	1710110010	Đặng Thị Thúy Quyên	26/03/1998		7.00	Bảy	C19KT	
29	1710110011	Lê Thị Phương Thảo	11/02/1999		7.00	Bảy	C19KT	
30	1710100045	Trần Thị Hồng Thắm	01/06/1999		7.00	Bảy	C19QT2	
31	1710110006	Đặng Kim Thuy	28/05/1999		7.00	Bảy	C19KT	
32	1710100044	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/10/1999		6.00	Sáu	C19QT2	
33	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai Trinh	06/05/1999		6.00	Sáu	C19KT	
34	1710100071	Nguyễn Thị Kim Trinh	07/07/1999		7.00	Bảy	C19QT2	

SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1710100043	Trần Minh Trí	13/12/1999				C19QT2	
1710110026	Dương Thị Ánh Trúc	12/10/1999	<i>Trúc</i>	8.00	Tám	C19KT	
1710110022	Nguyễn Thị Lan Trường	05/12/1999	<i>Tru</i>	7.00	Bảy	C19KT	
1710100053	Trần Văn Tuấn	12/06/1998				C19QT2	
1710100060	Lê Trần Cát Tường	20/04/1999	<i>Catuong</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
1710110007	Phan Trần Tường Vi	21/11/1999	<i>Hung</i>	8.00	Tám	C19KT	
1710100058	Dương Thị Thúy Vy	18/03/1998	<i>Vy</i>	7.00	Bảy	C19QT2	
1710100008	Nguyễn Thị Thùy Vy	25/10/1999	<i>Vy</i>	7.00	Bảy	C19QT2	
1710100059	Trần Thị Mai Xinh	27/07/1997				C19QT2	
1710100063	Hồ Thị Như Ý	04/08/1999				C19QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____, Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 18 tháng 7 năm 2018

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Anh

Ngày: 18 tháng 7 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Dũng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kinh tế vĩ mô - M1104002

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: M110400201

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ánh	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc	Ánh	19/12/1999		6.00	Sáu	C19KT	
2	1710100055	Huỳnh Thị Thúy	Duy	12/11/1999	<i>Thuy</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
3	1710100064	Huỳnh Thị Yến	Duy	12/11/1999		6.00	Sáu	C19QT2	
4	1710100048	Ngô Hải	Dương	28/10/1999	<i>Hải</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
5	1710100042	Nguyễn Khắc	Dương	27/12/1999		6.00	Sáu	C19QT2	
6	1710110008	Bùi Thu	Hà	20/06/1999	<i>Thu</i>	6.00	Sáu	C19KT	
7	1710100054	Hồ Thúy	Hằng	21/09/1999	<i>Thuy</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
8	1710100051	Nguyễn Thị	Hằng	25/02/1998	<i>Hằng</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
9	1710110012	Trần Thị Thu	Hiền	18/04/1999	<i>Thu</i>	9.00	Chín	C19KT	
10	1710100002	Phạm Minh	Hiếu	21/08/1992	<i>Minh</i>	8.00	Tám	C19QT2	
11	1710100052	Trần Thị Lan	Hương	15/01/1999	<i>Lan</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
12	1710110003	Phạm Thị	Huyền	07/01/1999	<i>Phạm</i>	6.00	Sáu	C19KT	
13	1710110015	Nguyễn Thị Diễm	Hương	22/07/1999	<i>Diễm</i>	9.00	Chín	C19KT	
14	1710100041	Nguyễn Minh	Kha	06/09/1999	<i>Minh</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
15	1710100067	Nguyễn Văn	Khiêm	19/05/1999		6.00	Sáu	C19QT2	
16	1710100047	Nguyễn Minh	Khoa	29/03/1999	<i>Minh</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
17	1710110001	Bùi Đặng Phương	Linh	09/12/1997	<i>Phu</i>	9.00	Chín	C19KT	
18	1710110002	Hồ Yến	Linh	11/05/1999	<i>Yến</i>	6.00	Sáu	C19KT	
19	1710100069	Võ Thị Thùy	Linh	07/10/1999	<i>Thuy</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
20	1710100065	Trần Thị Phụng	Mai	20/04/1996		6.00	Sáu	C19QT2	
21	1710100046	Nguyễn Ngọc	Minh	24/10/1999	<i>Ngọc</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
22	1710100061	Nguyễn Thị Kiều	My	07/11/1996	<i>Kiều</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
23	1710100062	Nguyễn Trọng	Nghĩa	16/03/1999	<i>Trọng</i>	8.00	Tám	C19QT2	
24	1710100066	Trần Hải	Ngọc	04/07/1999	<i>Hải</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
25	1710100057	Võ Thị Hồng	Nhi	01/01/1998		7.00	Bảy	C19QT2	
26	1710100070	Trần Thị	Như	16/07/1999	<i>Như</i>	9.00	Chín	C19QT2	
27	1710110004	Hồ Ngọc	Phượng	25/11/1999	<i>Phu</i>	6.00	Sáu	C19KT	
28	1710110010	Đặng Thị Thúy	Quyên	26/03/1998	<i>Thuy</i>	6.00	Sáu	C19KT	
29	1710110011	Lê Thị Phương	Thảo	11/02/1999	<i>Phu</i>	6.00	Sáu	C19KT	
30	1710100045	Trần Thị Hồng	Thắm	01/06/1999	<i>Thuy</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
31	1710110006	Đặng Kim	Thuy	28/05/1999	<i>Thuy</i>	6.00	Sáu	C19KT	
32	1710100044	Nguyễn Thị Kiều	Trang	07/10/1999	<i>Thuy</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
33	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai	Trình	06/05/1999	<i>Thuy</i>	8.00	Tám	C19KT	
34	1710100071	Nguyễn Thị Kim	Trình	07/07/1999	<i>Thuy</i>	6.00	Sáu	C19QT2	

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1710100043	Trần Minh Trí	13/12/1999				C19QT2	
36	1710110026	Dương Thị Ánh Trúc	12/10/1999	<i>Ánh Trúc</i>	9.00	Chín	C19KT	
37	1710110022	Nguyễn Thị Lan Trường	05/12/1999	<i>Lan Trường</i>	6.00	Sáu	C19KT	
38	1710100053	Trần Văn Tuấn	12/06/1998				C19QT2	
39	1710100060	Lê Trần Cát Tường	20/04/1999	<i>Cát Tường</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
40	1710110007	Phan Trần Tường Vi	21/11/1999	<i>Tường Vi</i>	9.00	Chín	C19KT	
41	1710100058	Dương Thị Thúy Vy	18/03/1998	<i>Thúy Vy</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
42	1710100008	Nguyễn Thị Thùy Vy	25/10/1999	<i>Thùy Vy</i>	6.00	Sáu	C19QT2	
43	1710100059	Trần Thị Mai Xinh	27/07/1997				C19QT2	
44	1710100063	Hồ Thị Như Ý	04/08/1999				C19QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____, Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____%

Ngày 18 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ánh

Ngày 18 tháng 7 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quốc Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: HKIII (2017 - 2018)

Môn học: Kinh tế vĩ mô

Mã bài thi: 00C5CK

Thời gian thi: 26/07/2018 07:45:00

Thời gian kết thúc: 26/07/2018 08:45:00

Giám thị 1: Ng. Hoa Ký tên: hoaGiám thị 2: H. Nhung Ký tên: nhungGiám thị 3: N. Thủy Ký tên: thuyGiám thị 4: Trần Phú Quý Ký tên: phuquy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc Ánh	19/12/1999		5.2		C19KT	
2	1610110010	Nguyễn Thị Bích	02/07/1998		6.4		C18KT	
3	1710100042	Nguyễn Khắc Dương	27/12/1999		4.2		C19QT1	
4	1710100048	Ngô Hải Dương	28/10/1999		6		C19QT1	
5	1710100055	Huỳnh Thị Thủy Duyệt	12/11/1999		5.2		C19QT1	
6	1710100064	Huỳnh Thị Yến Duyệt	12/11/1999		4.4		C19QT1	
7	1710110008	Bùi Thu Hà	20/06/1999		5.2		C19KT	
8	1710100051	Nguyễn Thị Hằng	25/02/1998		4.4		C19QT1	
9	1710100054	Hồ Thúy Hằng	21/09/1999		3.8		C19QT1	
10	1710110012	Trần Thị Thu Hiền	18/04/1999		6		C19KT	
11	1710100002	Phạm Minh Hiếu	21/08/1992		4.8		C19QT1	
12	1710100042	Trần Thị Lan Hương	15/01/1999		5.6		C19QT1	
13	1710110015	Nguyễn Thị Diễm Hương	22/07/1999		6.8		C19KT	
14	1710110003	Phạm Thị Huyền	07/01/1999		5		C19KT	
15	1710100017	Nguyễn Minh Kha	06/09/1999		4.8		C19QT1	
16	1710100067	Nguyễn Văn Khiêm	19/05/1999		3.6		C19QT1	
17	1710100047	Nguyễn Minh Khoa	29/03/1999		4.2		C19QT1	
18	1710100069	Võ Thị Thùy Linh	07/10/1999		3		C19QT1	
19	1710110001	Bùi Đặng Phương Linh	09/12/1997		5.4		C19KT	
20	1710110002	Hồ Yến Linh	11/05/1999		5.4		C19KT	
21	1710100065	Trần Thị Phương Mai	20/04/1996		4.6		C19QT1	
22	1710100046	Nguyễn Ngọc Minh	24/10/1999		4.4		C19QT1	
23	1710100061	Nguyễn Thị Kiều My	07/11/1996		6.2		C19QT1	
24	1710100062	Nguyễn Trọng Nghĩa	16/03/1999		6.8		C19QT1	
25	1710100066	Trần Hải Ngọc	04/07/1999		4.6		C19QT1	
26	1710100057	Võ Thị Hồng Nhi	01/01/1998		5.6		C19QT1	
27	1710100070	Trần Thị Như	16/07/1999		5.6		C19QT1	
28	1710110004	Hồ Ngọc Phượng	25/11/1999		4.8		C19KT	
29	1710110010	Đặng Thị Thúy Quyên	26/03/1998		4.8		C19KT	
30	1710100045	Trần Thị Hồng Thắm	01/06/1999		4.8		C19QT1	
31	1710110011	Lê Thị Phương Thảo	11/02/1999		5		C19KT	
32	1710110006	Đặng Kim Thủy	28/05/1999		5.6		C19KT	
33	1710100044	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/10/1999		5.2		C19QT1	
34	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai Trinh	06/05/1999		5.2		C19KT	
35	1710100071	Nguyễn Thị Kim Trinh	07/07/1999		5.2		C19QT1	
36	1710110026	Dương Thị Ánh Trúc	12/10/1999		5.2		C19KT	
37	1710100060	Lê Trần Cát Tường	20/04/1999		5.2		C19QT1	
38	1710110007	Phan Trần Tường Vi	21/11/1999		4.8		C19KT	
39	1710100058	Dương Thị Thủy Vy	18/03/1998		4.4		C19QT1	
40	1710100008	Nguyễn Thị Thủy Vy	25/10/1999		4.4		C19QT1	

Số sinh viên dự thi: 40

Số sinh viên đạt: 37

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kinh tế vĩ mô - M1104002

Mã lớp học phần: M110400201

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Ngày thi: 26/07/2018

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Trần Phú Di Ký tên: nhm

Giám thị 2: Ngô Thị Ngọc Hoa Ký tên: ng

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ánh	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc	Ánh	19/12/1999	<u>as</u>				C19KT	
2	1710100055	Huỳnh Thị Thúy	Duy	12/11/1999	<u>thuy</u>				C19QT2	
3	1710100064	Huỳnh Thị Yến	Duy	12/11/1999	<u>ye</u>				C19QT2	
4	1710100048	Ngô Hải	Dương	28/10/1999	<u>h</u>				C19QT2	
5	1710100048	Nguyễn Khắc	Dương	27/12/1999	<u>duy</u>				C19QT2	
6	1710110008	Bùi Thu	Hà	20/06/1999	<u>th</u>				C19KT	
7	1710100052	Hồ Thúy	Hằng	21/09/1999	<u>ht</u>				C19QT2	5029681 Nợ HP
8	1710100051	Nguyễn Thị	Hằng	25/02/1998	<u>th</u>				C19QT2	
9	1710110012	Trần Thị Thu	Hiền	18/04/1999	<u>tm</u>				C19KT	
10	1710100002	Phạm Minh	Hiếu	21/08/1992	<u>hm</u>				C19QT2	
11	1710100052	Trần Thị Lan	Hương	15/01/1999	<u>tl</u>				C19QT2	
12	1710110003	Phạm Thị	Huyền	07/01/1999	<u>ph</u>				C19KT	
13	1710110015	Nguyễn Thị Diễm	Hương	22/07/1999	<u>nd</u>				C19KT	
14	1710100041	Nguyễn Minh	Kha	06/09/1999	<u>nm</u>				C19QT2	
15	1710100067	Nguyễn Văn	Khiêm	19/05/1999	<u>nv</u>				C19QT2	
16	1710100047	Nguyễn Minh	Khoa	29/03/1999	<u>nm</u>				C19QT2	
17	1710110001	Bùi Đặng Phương	Linh	09/12/1997	<u>bd</u>				C19KT	
18	1710110002	Hồ Yến	Linh	11/05/1999	<u>hy</u>				C19KT	Nợ HP
19	1710100069	Võ Thị Thùy	Linh	07/10/1999	<u>vt</u>				C19QT2	
20	1710100065	Trần Thị Phụng	Mai	20/04/1996	<u>tm</u>				C19QT2	
21	1710100046	Nguyễn Ngọc	Minh	24/10/1999	<u>nn</u>				C19QT2	
22	1710100061	Nguyễn Thị Kiều	My	07/11/1996	<u>ntk</u>				C19QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 22 / 22 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kinh tế vĩ mô - M1104002

Mã lớp học phần: M110400201

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Ngày thi: 26/07/2018

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Hồng Nhung Ký tên: MH

Giám thị 2: Nga Thu Ký tên: NT

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710100062	Nguyễn Trọng	Nghĩa	16/03/1999	<u>NT</u>				C19QT2	
2	1710100066	Trần Hải	Ngọc	04/07/1999	<u>TH</u>				C19QT2	
3	1710100057	Võ Thị Hồng	Nhi	01/01/1998	<u>NH</u>				C19QT2	
4	1710100070	Trần Thị	Như	16/07/1999	<u>NT</u>				C19QT2	
5	1710110004	Hồ Ngọc	Phượng	25/11/1999	<u>HN</u>				C19KT	
6	1710110010	Đặng Thị Thúy	Quỳnh	26/03/1998	<u>DT</u>				C19KT	
7	1710110011	Lê Thị Phương	Thảo	11/02/1999	<u>LP</u>				C19KT	
8	1710100045	Trần Thị Hồng	Thắm	01/06/1999	<u>TH</u>				C19QT2	
9	1710110006	Đặng Kim	Thuy	28/05/1999	<u>DK</u>				C19KT	
10	1710100044	Nguyễn Thị Kiều	Trang	07/10/1999	<u>NT</u>				C19QT2	
11	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai	Trinh	06/05/1999	<u>NN</u>				C19KT	
12	1710100071	Nguyễn Thị Kim	Trinh	07/07/1999	<u>NT</u>				C19QT2	
13	1710110026	Dương Thị Ánh	Trúc	12/10/1999	<u>DT</u>				C19KT	
14	1710110022	Nguyễn Thị Lan	Trưởng	05/12/1999					C19KT	Nợ HP
15	1710100060	Lê Trần Cát	Tường	20/04/1999	<u>LT</u>				C19QT2	
16	1710110007	Phan Trần Tường	Vi	21/11/1999	<u>PT</u>				C19KT	
17	1710100058	Dương Thị Thúy	Vy	18/03/1998	<u>DT</u>				C19QT2	
18	1710100008	Nguyễn Thị Thùy	Vy	25/10/1999	<u>NT</u>				C19QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 01 . Số bài thi/Số tờ: 17 / 17

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 1 tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

NT

Trần Thị Kim Ánh

Ngày: 1 tháng 8 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

NH

Nguyễn Tiến Dũng

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kinh tế vĩ mô - 1104002

Mã lớp học phần: 110400201

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Trần Phú Đức Ký tên: phm

Giám thị 2: Nguyễn Ngọc Hoa Ký tên: nh

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610110010	Nguyễn Thị Bích	02/07/1998	<u>Bích</u>				C18KT	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 1 / 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày: 1 tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ánh

Ngày: 1 tháng 8 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nhuyễn Đức